

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 3 - 2023
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm
Ông Tạ Bửu Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Kim N, sinh năm: 1982; cư trú tại: ấp C, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lương Văn N, sinh năm: 1981; cư trú tại: khóm X, phường T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Huỳnh Kim N trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 27/02/2023 như sau:

Về hôn nhân: Năm 2004, bà N và ông N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Bà N xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung: Ông N và bà N có 02 người con chung là Lương Hằng N, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Lương Thúy D, sinh ngày 16/7/2006, đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu nuôi cháu Duy theo nguyện vọng của con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Bà N xác định không có.

- Ông Lương Văn N không thể ghi Bản tự khai mà yêu cầu Tòa án ghi nhận ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Năm 2004, ông N và bà Huỳnh Kim N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không hợp nhau. Nay bà N xin ly hôn, ông N đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông N và bà N có 02 người con chung là Lương Hằng N, sinh năm 2003 và Lương Thúy D, sinh ngày 16/7/2006, đang sống với bà N. Khi ly hôn, ông N đồng ý giao cháu Duy cho bà N nuôi, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Ông N xác định không có.

Ông N và bà N yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Huỳnh Kim N và bị đơn Lương Văn Ngon đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 2004 ông N và bà N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà N trình bày do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Bà N xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N. Về phía ông N đồng ý ly hôn với bà N. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà N không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N xin ly hôn với ông N là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Ông N và bà N có 02 người con chung là Lương Hằng N, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Lương Thúy D, sinh ngày 16/7/2006, đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu nuôi cháu Duy theo nguyện vọng của con, ông N đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Duy cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng

cho con. Tuy nhiên, bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về tài sản và nợ chung*: Ông N và bà N xác định không có.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Kim N và ông Lương Văn N.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lương Thúy D, sinh ngày 16/7/2006 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 06/02/2023 nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002775 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã An Xuyên, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hoàng Đắc

